

## ÔN TẬP KINH TẾ CHÍNH TRỊ

**Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin ( Trang 8)**

### **I. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin ( Trang 8)**

- Thuật ngữ KTCT xuất hiện ở Châu Âu vào năm 1615 trong Chuyên luận về KTCT của nhà kinh tế người Pháp **Autoine de Montcherétien**.

\* Quá trình phát triển của KH KTCT được khái quát qua 2 thời kỳ lịch sử:

- Thứ 1, từ thời cổ đại → TK XVIII ( Trang 9)

+ Lạc hậu, các tư tưởng KT thường trong các tác phẩm triết học, triết lí

+ **Chủ nghĩa trọng thương** là hệ thống lý luận KTCT bước đầu tiên về nền SX TBCN, ra đời và **phát triển từ giữa TK XV → giữa TK XVII** (Trang 10)

+ **Chủ nghĩa trọng nông** từ nửa cuối TK XVII → nửa đầu **TK XVIII** (Trang 10 – 11)

- Thứ 2, từ sau TK XVIII → Đến nay

+ KTCT cổ điển Anh từ cuối TK XVIII → nửa đầu TK XIX, mở đầu là các quan điểm lý luận của William Petty → A. Smith → David Ricardo ( Trang 11)

+ Lý luận rút ra kết luận: **giá trị là do hao phí lao động tạo ra, giá trị khác với của cải** ( Trang 11 -12)

→ Rút ra khái niệm KTCT ( Trang 12)

- Sau nghiên cứu của A.Smith, lý luận KTCT chia thành 2 dòng chính: ( Trang 12)

+ Dòng lý thuyết khai thác luận điểm của A. Smith: mang tính tâm lý, hành vi

+ Dòng lý thuyết thể hiện từ D. Ricardo → Kế thừa giá trị khoa học của A. Smith

- C. Mác đã kế thừa trực tiếp thành quả lý luận KH của D. Ricardo → phát triển lý luận KTCT mang tên ông

- Lý luận KTCT của C. Mác và Ph. Ăngghen → Tập trung và cô đọng nhất trong bộ **Tư bản** ( Trang 13)

### **II. Đối tượng, mục tiêu và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin ( Trang 15)**

#### **1. Đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin**

- Đối tượng nghiên cứu: Các quan hệ của sản xuất và trao đổi

→ Khái quát lại đối tượng nghiên cứu của KTCT Mác- Lênin là các QHXX của SX và trao đổi...( Trang 19)

#### **2. Mục đích nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin ( Trang 21)**

- Mục đích nghiên cứu: phát hiện ra quy luật chi phối quan hệ giữa người – người trong sản xuất – trao đổi. (Trang 21)

- Mục đích xuyên suốt: cung cấp cơ sở khoa học góp phần thúc đẩy trình độ văn minh và phát triển của xã hội → KTCT Mác – Lênin không phải là KH về KT hàng hóa TBCN ( Trang 21)

- Phân biệt quy luật KT và chính sách KT: ( Trang 22)

+ Quy luật KT: chủ quan

+ Chính sách KT: khách quan

### **3. Phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác – Lênin ( Trang 23)**

- Phương pháp chính: trừu tượng hóa khoa học (Trang 24)

- Khái niệm: nhận ra, gạt bỏ yếu tố ngẫu nhiên, hiện tượng tạm thời, gián tiếp → tách ra được → dấu hiệu điển hình, bền vững, ổn định, trực tiếp

## **II. Chức năng của KTCT Mác – Lênin ( Trang 25)**

### **1. Chức năng nhận thức ( Trang 25)**

- Cung cấp phạm trù KT cơ bản, phản ánh từ hiện tượng KT mang tính biểu hiện trên bề mặt XH → Làm phong phú tri thức, tư duy lý luận của người lao động và toàn xã hội → nhận thức được các quy luật và tính quy luật

### **2. Chức năng thực tiễn ( Trang 26)**

- Người LĐ, nhà hoạch định chính sách: vận dụng vào thực tiễn lao động cũng như quản trị quốc gia

- Phát triển XH tiến bộ, cải thiện thực tiễn, thúc đẩy sự văn minh

- Hình thành PP luận, CSKH giải quyết các quan hệ lợi ích → Cải thiện ĐSVLC và tinh thần

### **3. Chức năng tư tưởng ( Trang 27)**

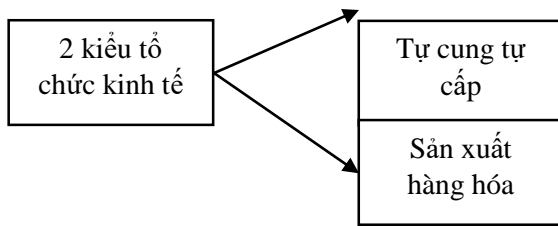
- Xây dựng nền tảng tư tưởng mới

- Xây dựng lý tưởng khoa học

### **4. Chức năng phương pháp luận ( Trang 28)**

## Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường (Trang 31)

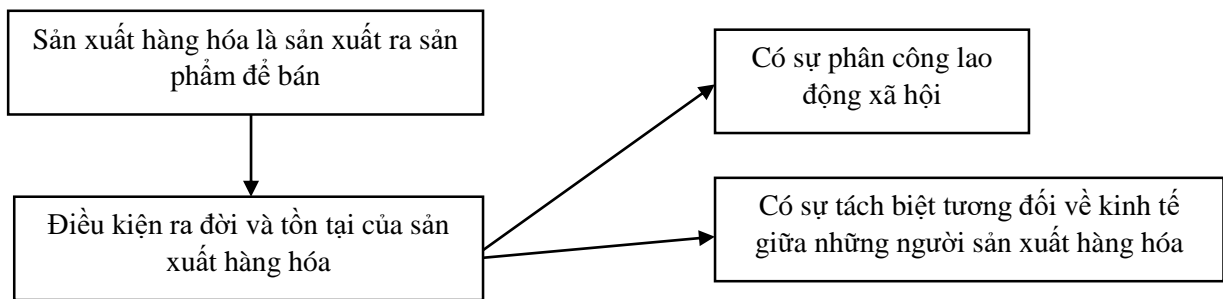
### I. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa (Trang 32)



- Công xã nguyên thủy → Cả thời kì phong kiến: tự cung tự cấp

#### 1. Sản xuất hàng hóa (Trang 32)

##### a,b) Khái niệm và điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa (Trang 32)



- Chủ nghĩa tư bản → Xã hội đầu tiên hội tụ đủ 2 ĐK, là XH đầu tiên có sản xuất hàng hóa

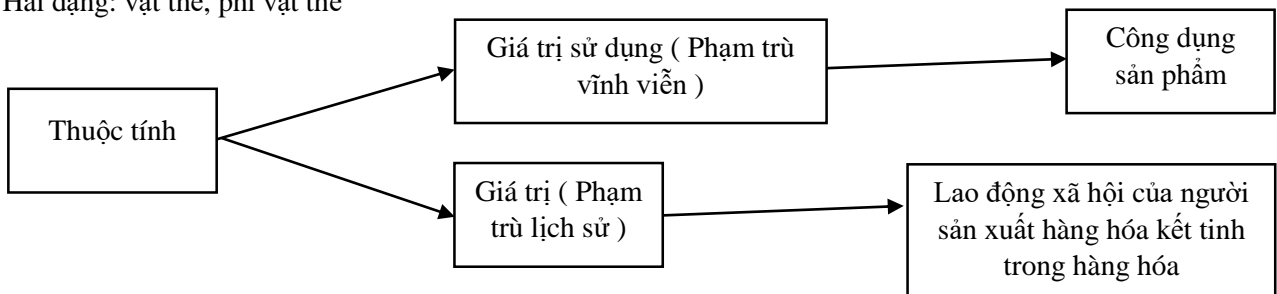
#### 2. Hàng hóa (Trang 33)

##### a) Khái niệm và thuộc tính của hàng hóa (Trang 33)

- Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán

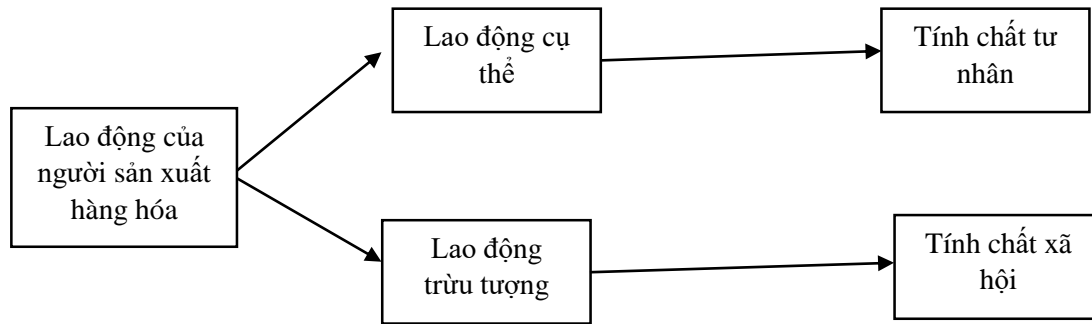
- Sản phẩm của LĐ = Hàng hóa khi được đưa ra nhằm **mục đích trao đổi, mua bán**

- Hai dạng: vật thể, phi vật thể



##### b) Tính 2 mặt của lao động SXHH (Trang 37)

- Hai thuộc tính của hàng hóa xuất phát từ lao động của người SXHH có 2 mặt: cụ thể, trừu tượng



\*Mâu thuẫn: LĐ cụ thể  $\diamond$  LĐ trừu tượng  $\rightarrow$  1 là không phù hợp với nhu cầu XH, 2 là mức hao phí lao động cá biệt  $>$  mức HP mà XH có thể chấp nhận được

- Giá trị sử dụng do lao động cụ thể tạo ra

### c) *Lượng giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa ( Trang 39)*

\* Lượng giá trị = Lượng lao động đã hao phí để tạo ra hàng hóa = Thời gian lao động ( **Thời gian lao động xã hội cần thiết**)

\*Khái niệm: *Thời gian LĐXH cần thiết là thời gian đòi hỏi để sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó trong điều kiện bình thường của xã hội với trình độ thành thạo trung bình, cường độ lao động trung bình*

\* Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa: ( Trang 40)

- Năng suất lao động ( Khái niệm trang 40)

- + Trình độ phát triển của kỹ thuật – công nghệ
- + Trình độ chuyên môn, lành nghề của người lao động
- + Trình độ tổ chức quản lý
- + Các điều kiện tự nhiên

- Tính chất phức tạp của lao động: lao động giản đơn ( không yêu cầu đào tạo), lao động phức tạp ( yêu cầu đào tạo) ( Trang 42)

- + Trong cùng 1 thời gian, lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn lao động giản đơn
- + Trong trao đổi, mọi LĐ phức tạp được quy thành LĐ đơn giản TB

- Khi cường độ lao động tăng lên  $\rightarrow$  giá trị trong 1 ĐV hàng hóa không đổi, còn tổng giá trị tăng lên

### 3) *Tiền tệ ( Trang 42)*

#### a) *Nguồn gốc và bản chất của tiền ( Trang 42)*

Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên ( vật ngang giá)  $\rightarrow$  Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng  $\rightarrow$  Hình thái chung của giá trị  $\rightarrow$  Hình thái tiền ( Tiền vàng,...)

#### b) *Chức năng của tiền ( Trang 45)*

- Thước đo giá trị ( Giá trị hàng hóa  $\rightarrow$  biểu hiện bằng tiền = giá cả hàng hóa)
- Phương tiện lưu thông ( tiền mặt: tiền đúc bằng KL, tiền giấy)
- Phương tiện cất trữ ( tiền vàng, tiền bạc)

- Phương tiện thanh toán ( trả nợ, trả tiền mua chịu hàng hóa, tiền ghi sổ, tiền trong TKNH, tiền điện tử, bitcoin,...)

- Tiền tệ thế giới ( tiền vàng, tiền được công nhận là phương tiện thanh toán quốc tế: Đô La Mỹ, Yên Nhật, Nhân Dân Tệ, Bảng Anh, Euro

#### **4) Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay ( Trang 48)**

##### **a) Dịch vụ ( Trang 48)**

##### **b) Quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay ( Trang 49)**

- Quan hệ trong trường hợp trao đổi quyền sử dụng đất: về bản chất là hệ quả của việc tiền từ túi chủ thể này → chủ thể khác → phương tiện thanh toán ( Trang 49)

- Quan hệ trong trao đổi thương hiệu ( danh tiếng ) ( Trang 50)

- Quan hệ trong trao đổi, mua bán chứng khoán, chứng quyền và một số giấy tờ có giá: giàu có của các nhân là do sự chuyển tiền từ người khác vào trong túi họ → tiền thực hiện chức năng thanh toán ( Trang 51)

## **II. Thị trường và nền kinh tế thị trường ( Trang 53)**

### **1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường ( Trang 53)**

#### **a) Khái niệm và phân loại thị trường ( Trang 53)**

\* Khái niệm: *Thị trường là tổng hòa những quan hệ kinh tế, trong đó nhu cầu của các chủ thể được đáp ứng thông qua việc trao đổi, mua bán với sự xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ tương ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội*

\*Phân loại: ( Trang 54)

- Căn cứ vào đối tượng trao đổi, mua bán cụ thể: thị trường hàng hóa, thị trường dịch vụ

- Căn cứ vào phạm vi các quan hệ: thị trường trong nước, thị trường thế giới

- Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành: thị trường tự do, thị trường có điều tiết, thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo ( độc quyền)

#### **b) Vai trò của thị trường ( Trang 55)**

- 1 là: thực hiện giá trị hàng hóa, là ĐK, MT cho SX phát triển

- 2 là: kích thích sáng tạo, phân bổ nguồn lực hiệu quả trong nền KT

-3 là: gắn kết KT thành 1 chỉnh thể, gắn kết KTQG với KT Thế Giới

### **2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường ( Trang 57)**

#### **a) Nền kinh tế thị trường ( Trang 57)**

\* Khái niệm: Nền KT vận hành theo cơ chế thị trường → Là nền KT hàng hóa phát triển cao → mọi quan hệ sản xuất và trao đổi thông qua, chịu sự tác động, điều tiết của quy luật thị trường

**\* Đặc trưng phổ biến của nền KT thị trường ( Trang 58)**

- Thứ 1, đa dạng về chủ thể KT, nhiều hình thức sở hữu
- Thứ 2, thị trường quyết định việc phân bổ nguồn lực xã hội
- Thứ 3, giá cả hình thành theo nguyên tắc thị trường
- Thứ 4, là nền KT mở, có quan hệ mật thiết với thị trường quốc tế

**\* Ưu thế và khuyết tật của nền KTTT ( Trang 59)**

➤ **Ưu thế ( Trang 59)**

- 1 là: tạo động lực sáng tạo của các chủ thể KT
- 2 là: phát huy tốt tiềm năng của mọi chủ thể, vùng, miền, lợi thế quốc gia
- 3 là: tạo ra các phương thức thỏa mãn tối đa nhu cầu con người → thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội

➤ **Khuyết tật ( Trang 61)**

- 1 là: tiềm ẩn rủi ro khủng hoảng
- 2 là: không tự khắc phục được xu hướng cạn kiệt tài nguyên không thể tái tạo, suy thoái MT tự nhiên, xã hội
- 3 là: không tự khắc phục được phân hóa sâu sắc trong xã hội

→ Cần có sự can thiệp của nhà nước → KT thị trường có sự điều tiết ( Nền KT hỗn hợp)

**b) Một số quy luật kinh tế chủ yếu của nền KT thị trường ( Trang 62)**

**\* Quy luật giá trị ( Trang 63)**

- Yêu cầu: việc sản xuất và trao đổi được tiến hành trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết
- Tác động:

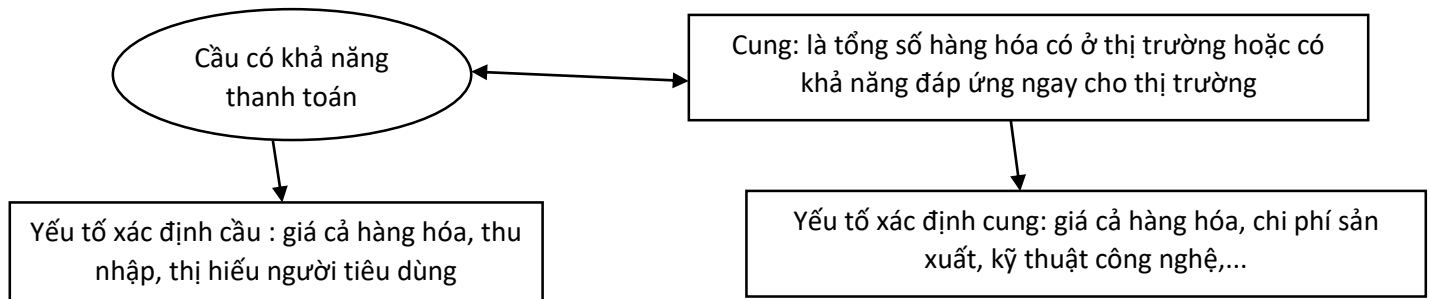
+ Thứ 1: **điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa** ( hàng hóa từ nơi giá thấp → nơi giá cao, từ nơi cung > cầu → nơi cung < cầu), phân phối thu nhập vùng miền, điều chỉnh sức mua của thị trường

+ Thứ 2: kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất → tăng năng suất LĐ

+ Thứ 3: phân hóa những người sản xuất → giàu, nghèo ( một cách tự nhiên)

**\* Quy luật cung cầu ( Trang 65)**

- Điều tiết quan hệ giữa cung ( bên bán) và cầu ( bên mua)
- Tác dụng: điều tiết sản xuất <-> lưu thông; thay đổi cơ cấu, quy mô thị trường, ảnh hưởng giá cả



**\* Quy luật lưu thông tiền tệ ( Trang 66)**

$$M = P.Q / V$$

M: số lượng tiền cần thiết cho lưu thông trong một thời gian nhất định

P: mức giá cả

Q: khối lượng hàng hoá, dịch vụ đưa ra lưu thông

V: số vòng lưu thông của đồng tiền

**\* Quy luật cạnh tranh ( Trang 68)**

**① Cạnh tranh trong nội bộ ngành ( Trang 68) ( Sinh ra giá cả thị trường)**

- Phương thức thực hiện lợi ích doanh nghiệp trong cùng một ngành sản xuất

**② Cạnh tranh giữa các ngành ( Trang 69) ( Sinh ra lợi nhuận bình quân)**

- Phương thức thực hiện lợi ích của các chủ thể thuộc các ngành sản xuất khác nhau

➔ Là phương thức để các chủ thể sản xuất kinh doanh ở các ngành sản xuất khác nhau tìm kiếm lợi ích của mình ➔ Mục đích: tìm nơi đầu tư có lợi nhất

**\* Tác động của cạnh tranh trong nền KT thị trường ( Trang 70)**

- Tích cực:

- + Thứ 1: thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất ( đổi mới tay nghề, tri thức người lao động)
- + Thứ 2: thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường ( hợp tác + cạnh tranh ➔ nền KT hoàn thiện hơn)
- + Thứ 3: điều chỉnh linh hoạt trong việc phân bổ các nguồn lực
- + Thứ 4: thúc đẩy năng lực thỏa mãn nhu cầu XH

- Tiêu cực:

- + Thứ 1: tổn hại môi trường kinh doanh ( cạnh tranh thiếu lành mạnh, thủ đoạn xấu...)
- + Thứ 2: lãng phí nguồn lực XH ( chiếm giữ nguồn lực mà không phát huy vai trò của nguồn lực đó)
- + Thứ 3: tổn hại phúc lợi XH

**III. Vai trò của một số chủ thể tham gia trong thị trường ( Trang 73)**

**1. Người sản xuất ( Trang 73)**

- Nhà SX, đầu tư, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ...

**2. Người tiêu dùng ( Trang 74)**

- Sức mua của người tiêu dùng là yếu tố quyết định sự phát triển bền vững của người sản xuất

**3. Các chủ thể trung gian trong thị trường ( Trang 75)**

**4. Nhà nước ( Trang 76)**

[illegible]